

VỀ CHỦ NHÂN HƯNG CÔNG

DI TÍCH TÍN NGƯỠNG TRONG LỊCH SỬ

TS. ĐINH KHẮC THUẬN*

Chủ nhân hưng công xây dựng, tu bổ các di tích tín ngưỡng ở Việt Nam trong lịch sử khá đa dạng, mà hiện nay có thể nhận biết được qua tư liệu văn bia di tích. Họ thuộc tầng lớp nào, công đức của họ ra sao và động cơ cũng như mục đích việc làm đó của họ như thế nào? Đây là vấn đề cần được lưu tâm, vừa nhằm giữ đạo lý “uống nước nhớ nguồn”, vừa để “nghĩ xưa mà ngắm nay”, khi mà ngày càng có nhiều người hảo tâm hưng công xây dựng tu bổ di tích.

Thời Lý là thời kỳ hưng thịnh của Phật giáo ở Việt Nam, với hàng loạt ngôi chùa lớn được xây dựng. Hầu hết trong các ngôi chùa đó đều do các thành viên trong hoàng tộc và tầng lớp quý tộc xây dựng. Chẳng hạn, Thái úy Lý Thường Kiệt từng đứng ra xây chùa Báo Ân, năm 1100. Hà Di Khánh một đại thần “phên dậu” ở biên cương phía Bắc của triều đình hưng công xây dựng chùa Bảo Ninh Sùng Phúc ở Chiêm Hoá (nay thuộc tỉnh Tuyên Quang) năm 1107, vua Lý Nhân Tông xây chùa Sùng Thiện Diên Linh, núi Đọi (Hà Nam) năm 1118. Một số nhà sư dựng chùa để truyền bá đạo Phật như chùa Viên Quang, xã Xuân Nghĩa, huyện Hải Hậu, Nam Định do nhà sư Giác Hải dựng năm 1137. Chùa Diên Phúc (Mỹ Hào, Hưng Yên) dựng năm 1157,

niên hiệu Đại Định 11 thời Lý Anh Tông do Việt Quốc công Đỗ Anh Vũ (1114 - 1159) dựng để mẹ đẻ thờ Phật (Văn khắc Hán Nôm Việt Nam, 1998). Nổi bật là bà Hoàng Thái hậu Linh Nhân, tức Ý Lan, phu nhân của Hoàng đế Lý Thánh Tông (1054 - 1072) đã từng cho dựng hàng trăm ngôi chùa Phật, trong đó hiện còn chùa Hàm Long (Quế Võ, Bắc Ninh) năm 1086, chùa An Lão (Bắc Ninh) năm 1099 (Hà Văn Tấn, *Chùa Việt Nam*, Khoa học xã hội, HN, 1993, tr.34).

Đến cuối thời Trần có gần một trăm ngôi chùa được văn bia đề cập đến. Phần lớn các ngôi chùa này, nhất là các ngôi chùa lớn ở cấp “Đại danh lam” đều do vua, quan cùng các thành viên trong Hoàng tộc bỏ tiền của xây dựng. Dường như đây là những ngôi chùa tư giành riêng cho vua quan và tầng lớp quý tộc.

Văn bia chùa Phúc Lâm (Hà Tây) khắc năm 1578, cho biết “vào thời Trần, Thái sư cấp 25 người thay nhau lo liệu đèn nhang...”. Văn bia chùa Linh Vệ (Ninh Bình) cho biết chùa này vốn do công chúa Trần Tôn Linh thời Trần xuất gia tu hành ở đây, sau thành nơi thờ cúng Phật và Công chúa. còn văn bia chùa Thánh Ân (Bắc Ninh) dựng năm 1587, ghi rằng: “Trần Nhân Tông Điều ngự hoàng đế triều trước cấp cho chùa ruộng Tam bảo 70 mẫu và 7 gia nô là

* VIỆN NGHIÊN CỨU HÁN NÔM

Phạm Túc, Phạm Dự, Phạm Đội, Phạm Sa, Phạm Cai, Phạm Hào và Phạm Hi để cày cấy phụng thờ" (*Văn bia thời Mạc*, HN, 1996).

Chùa Triệu Long (Tam Hiệp, Phúc Thọ, Hà Tây) do viên quan Tiết chế nhập nội thái tử Đỗ Năng Tế và vợ bỏ tiền của tư nhân dựng năm Kiến Trung thứ nhất (1225). Đỗ Năng Tế là một viên đại thần triều Lý, rất có thể ông đã không tiếp tục đứng trong bộ máy triều đình nhà Trần vừa thay chân nhà Lý, nên đã dựng chùa để xa lánh bụi trần. Chùa A Nậu (Ninh Khánh, Hoa Lư, Ninh Bình) do vua Trần Thái Tông khai sáng và cấp ruộng phụng Phật vào năm 1258. Chùa Hưng Phúc (Quảng Hùng, Quảng Xương, Thanh Hoá) do Lê Bằng dựng năm Giáp Tý, niên hiệu Thiệu Long (1264), sau đó con ông là Lê Mạnh hoàn thành năm Giáp Tý (1324). Chùa đã bị tàn phá, nhưng mới được nhân dân địa phương xây lại vào năm 1998. Chùa Hưng Phúc (Thanh Thủy, Thanh Oai, Hà Tây) được Cung Túc vương Trần Dục xây dựng năm 1353 và được vua Trần ban tên chữ là Đại danh lam. Chùa Sùng Khánh (Đạo Đức, Vị Xuyên, Hà Giang) do vị quan đứng đầu trong vùng là phụ đạo Nguyễn Công xây dựng vào năm Đại Trị 10 (1367), sau lại cúng ruộng để phụng thờ Phật pháp. Chùa Phúc Minh (Hiệp Hoà, Vũ Thư, Thái Bình) vốn do Hoàng Thái hậu - Linh Nhân Ý Lan thời Lý xây dựng, đến thời Trần được dân trong hương trùng tu Phật điện và mở rộng quy mô từ năm 1336 đến 1338. Động Thanh Hư (Chí Linh, Hải Dương) do Trần Nguyên Đán xây dựng, sau được vua Trần viết chữ cho khắc lên bia vào năm Xương Phù 8 (1384). Chùa Từ Ân (Đông Vinh, Đông Hưng, Thái Bình) do công chúa Thiệu Ninh con vua Trần Nghệ Tông và bà phi họ Vũ dựng từ năm 1381 đến 1382, để báo hiếu mẹ. Chùa Vĩnh Báo (Yên Mô, Ninh Bình) do gia đình Nguyễn Quân, một gia đình trung nghĩa, đời cha đứng ra xây chùa, đời con trùng tu chùa (năm 1361)... (*Văn khắc Hán Nôm Việt Nam*, tập 2a-b, 2002).

Thời Lê sơ thế kỷ XV, theo tài liệu thư tịch thì hầu như Phật giáo ở thời kỳ này bị hạn chế, thậm chí bị cấm đoán việc xây dựng, tu bổ chùa Phật. Thực tế đúng là không thấy những ngôi chùa lớn được tầng lớp quý tộc đứng ra xây dựng và cúng lễ như thường xuất hiện ở thời Trần. Tuy vậy tư liệu văn bia cho biết thời Lê sơ đã có không ít ngôi chùa được cúng ruộng và tu bổ lại. Chẳng

Đình Khắc Thuân - Về chủ nhân hưng công DT TN trong

hạn chùa Phúc Thắng, xã Thuý Lai (Thạch Thất, Hà Tây) được Thái Ninh phu nhân và Đỗ Dương quận chúa cúng ruộng vào chùa năm 1470; chùa La Xuyên (Thư Trì, Thái Bình) được Hoàng Thái hậu cúng ruộng vào năm Hồng Đức thứ 2 (1471); chùa Diên Khánh (Bắc Ninh) được cúng ruộng... và sửa Phật điện vào năm 1473; chùa Quang Khánh (Kim Thành, Hải Dương) được vua Lê Thánh Tông đến thăm và để thơ tặng, năm Hồng Đức 17 (1486); chùa Thiên Phúc (Hà Tây) được vợ chồng một tín thí cúng ruộng vào năm Hồng Đức 18 (1487); chùa Đại Bi (Bắc Ninh) được dân địa phương tu bổ lại năm Hồng Đức 21 (1490) và chùa Đốt Sơn (Tiên Lãng, Hải Phòng) được 78 vị đàn việt và 233 vị tín thí tham gia tu sửa chùa, đúc tượng Phật vào năm Hồng Đức 22 (1491)...

Tư liệu trên cho biết, tuy cũng có một số vị cung tần trong Hoàng tộc cúng ruộng vào chùa và một số ngôi chùa được tu bổ, tô tượng, song các ngôi chùa này đã không để giành riêng cho các tầng lớp quý tộc cúng lễ như ở thời kỳ trước đó mà thuộc sở hữu của cộng đồng làng xã.

Sang thời Mạc thế kỷ XVI, chùa Phật được đông đảo tầng lớp trong xã hội tham gia xây dựng, tu bổ và mở rộng quy mô, trong đó có vai trò tích cực của các thành viên trong Hoàng tộc nhà Mạc. Tư liệu văn bia cho biết khoảng 200 ngôi chùa được xây dựng, tu bổ. Số liệu này chưa thể phản ánh đầy đủ, song qua đó thấy được sự hưng thịnh trở lại của Phật giáo mà cụ thể là hàng loạt ngôi chùa lớn được tu bổ và mở rộng quy mô, cùng nhiều ngôi chùa mới khác được xây dựng. Việc công đức vào chùa Phật được coi là việc làm phúc đức, nên tham gia xây dựng, tu bổ chùa Phật là công việc của tất cả mọi người. Nhưng chùa gắn với làng, nên trước hết được sự chăm lo của dân làng, nhất là những người xa quê hương xứ sở, lại hiển danh và có điều kiện kinh tế. Bà Thái chiêu nghi ở điện Quảng Đức là Nguyễn Ngọc Phương, người xã Đan Phượng, huyện Đan Phượng, cùng cha là Nguyễn Văn Mỗi, anh là Nguyễn Lộc và bà con thân thuộc đứng ra sửa toà Thủy các, chùa Phật Tích ở quê, năm 1538. Tham gia công việc này còn có Khang vương Mạc Nhân Phủ, hoàng tử thứ 8 Mạc Nhân Quảng... Bùi Bạt Tụy chúc Đô chỉ huy thêm sự vệ Thanh Tây tham gia tu sửa chùa Thanh Quang của làng mình, thôn Cự Ninh (Trực Ninh, Nam Định) năm 1562 (*Văn bia thời Mạc*, tr.57, 116). Tư liệu văn bia cho biết các

thành viên của hoàng tộc nhà Mạc tham gia xây dựng và tu sửa hàng loạt ngôi chùa ở Dương Kinh, quê hương và đất phát tích của nhà Mạc. Chẳng hạn, năm 1562 tham gia xây dựng chùa Thiên Phúc (Kiến Thụy, Hải Phòng) có 33 thành viên trong Hoàng tộc. Năm sau, chùa Bà Đanh (trong huyện) cũng được các vị quý tộc này cúng tiền làm của Tam Bảo, mỗi người cúng từ 1-10 lượng bạc (*Văn bia thời Mạc*, tr.93, 114). Việc công đức cho chùa không chỉ có các vị quý tộc và quan lại trong triều như vừa nêu trên mà còn có cả đương kim Hoàng thượng. Đó là Mạc Phúc Nguyên năm 1557, đã ban "cấm tiền" cho chùa Linh Cảm (Từ Sơn, Bắc Ninh), Mạc Mậu Hợp năm 1582, cũng cúng 20 lượng bạc vào chùa Hoa Tân (Hải Phòng). Trong số những quý tộc nhà Mạc công đức cho chùa Phật có bà Thái Hoàng Thái hậu họ Vũ là người công đức cho nhiều chùa nhất với số tiền, bạc và ruộng đất cung tiến lớn nhất. Bà đã cúng cả thảy trên dưới 30 mẫu ruộng và 6000 lá vàng, cùng không biết bao nhiêu bạc, tiền cho trên chục ngôi chùa ở khu vực Dương Kinh và vùng phụ cận. Bà từng được dân gian tôn xưng là "Mẫu nghi thiên hạ, là vị Phật sống trên trần gian". Thái hoàng Thái hậu họ Vũ được coi như một biểu tượng của người phúc thiện. Vì lẽ đó mà bà được dân làng nhiều nơi tạc tượng thờ mà hiện nay còn thấy ở chùa Minh Phúc (Tiên Lãng) và chùa Thiên Phúc (Kiến Thụy, Hải Phòng). Bên cạnh bà Thái Hoàng Thái hậu họ Vũ, còn có bà Hoàng Thái hậu họ Bùi, Khiêm vương Mạc Kính Điển, Ứng vương Mạc Đôn Nhượng, đặc biệt là vợ chồng Thái bảo Đà Quận công Mạc Ngọc Liễn và Phúc Thành Thái trưởng công chúa, tham gia xây dựng hàng chục ngôi chùa và thậm chí trở thành tín đồ của đạo Phật với tên hiệu là Đức Quảng (Mạc Ngọc Liễn) và Từ Đức (Phúc Thành Thái trưởng công chúa). Ngoài ra, còn có các quan lại trong triều, ngoài địa phương cũng tham gia tích cực xây dựng, tu bổ chùa quán dưới thời Mạc. Chẳng hạn, chùa Hương Nham (Tuyên Quang) do hai vị Hiến sát sứ Ngô Nghiêm Khê và Phó sứ Vũ Trạch Xuyên đạo Tuyên Quang cùng toàn thể quan văn, quan võ ở nha môn này đứng ra xây dựng năm 1537 (*Văn bia thời Mạc*, tr.52).

Như vậy là đã có khá nhiều ngôi chùa thời Mạc được xây dựng bởi các thành viên trong hoàng tộc và quan lại trong triều. Tuy vậy đây vẫn là chùa làng, do dân làng trông nom hương

khói và lo liệu tu bổ, xây dựng. Ngay cả trong những ngôi chùa được xây dựng với sự tham gia công đức của các thành viên trong hoàng tộc và quan lại trong triều như vừa nêu trên, thì vẫn có số đông dân làng và thiện sĩ ở địa phương lo liệu. Chẳng hạn, trong số những người công đức xây dựng chùa Bối Khê (Hà Tây) năm 1529, đã có trên hai trăm vị thiện sĩ và hơn một trăm dân làng. Nhân dịp sửa chùa Dương Nham (Chí Linh, Hải Dương) năm 1532, có 10 thiện sĩ, 12 thiện vãi và 105 dân làng già, trẻ trên dưới tham gia hưng công (*Văn bia thời Mạc*, tr.31, 32). Đây hoàn toàn là những ngôi chùa thuộc sở hữu của làng xã, trong khi ở thời Lý, Trần có không ít ngôi chùa là sở hữu riêng của một số quý tộc như đã nêu ở trên. Rõ ràng là dưới thời Lý, thời Trần hầu hết các ngôi chùa lớn còn để lại dấu tích đều do vua, quan, tầng lớp quý tộc xây dựng và cho nô tì của họ đến định cư, cày cấy ruộng Tam bảo để trông nom đèn nhang. Trường hợp văn bia chùa Sùng Khánh ở xã Ngụ Nhuế, huyện Lý Nhân (Hà Nam) khắc năm 1583, cho biết "chùa này có từ trước, vốn do các chủ hộ trong thôn trông nom, nhưng vì con cháu trong các chủ hộ thưa ít, khó bề chu tất thờ phụng. Cung Phật hư hỏng, không thể lưu giữ được về sau, chẳng bằng giao cho thôn lưu giữ muôn đời..." (*Văn bia thời Mạc*, tr.219). Như vậy, những ngôi chùa có tính chất sở hữu tư nhân thuộc về các quý tộc ở thời Lý, thời Trần... dần trở thành sở hữu công cộng, và đến thời Mạc thì đã hoàn toàn là sở hữu chung của cộng đồng làng xã. Nó gắn với làng và không ngừng mở rộng đồng thời với sự phát triển của làng xã, với các hoạt động tín ngưỡng nơi làng xã. Có nghĩa là sự quản lý chùa Phật đã chuyển dần từ Nhà nước sang cho dân làng. Chính vì vậy mà Phật giáo ngày càng được dân gian hoá kể từ thế kỷ XV, XVI.

Sang thời Lê - Trịnh thế kỷ XVII-XVIII, chùa làng cũng được các cung tần nhà Trịnh và các tầng lớp quý tộc đương thời công đức xây dựng, tu bổ. Chẳng hạn chùa Đậu (Thường Tín, Hà Tây), năm Dương Hoà 7 (1641) do Phó đô đốc Khê Quận công họ Trịnh, và công chúa nhà Trịnh công đức tu bổ. Tham gia đức chuông chùa Phượng Long xã Nhật Tân, huyện Tiên Lữ (Hưng Yên), năm Chính Hoà 19 (1698), ngoài người dân địa phương ra, còn có các vị trong phủ Chúa Trịnh, như Vương phủ thị nội cung tần Lương Thị Ngọc Tiến, Thái Hoà cung Phó tướng

thiếu phó Vĩnh Quận công Trịnh Thụ, Quận chúa Trịnh Thị Ngọc Bích, Trịnh Thị Ngọc Khải, Trịnh Thị Ngọc Diệp, Cai quan Tùng Quận công họ Trịnh. Chùa Phổ Hoá, xã Quảng Bị, huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây được tu tạo thượng điện, thiêu hương, tiền đường, tam quan, giải vũ và đúc chuông lớn vào năm Cảnh Trị 3 (1665) do Quận chúa Ưu bà di Trịnh Thị Ngọc Linh hiệu Diệu Quang, phu nhân vị Thiếu bảo Đặng Tướng công, chức Tán trị công thần Đặc tiến kim tử vinh lộc đại phu, tham tòng Công bộ thượng thư Đô úy Khang Quận công, Thượng trụ quốc làm chủ hưng công. Chùa Diên Phúc, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh được tu bổ và đúc chuông lớn vào năm Phúc Thái 6 (1648) do các vị Quận chúa Trịnh Thị Ngọc Đảo, Trịnh Thị Ngọc Nga, Quận chúa Trịnh Thị Ngọc Bằng, nữ tử Trịnh Thị Ngọc Bảo... công đức hưng công.

Có thể nói phần lớn các ngôi chùa, quán lớn mang tính trung tâm của vùng đã được xây dựng tu bổ ở thế kỷ XVII, XVIII đều có sự tham gia công đức của các cung tần, mỹ nữ và hoàng tộc trong phủ chúa, cùng các quan lại trong triều đình Lê - Trịnh, cũng như tầng lớp tín đồ Phật giáo.

Bên cạnh ngôi chùa Phật, quán đạo và ngôi đình làng ở thời Lê Trịnh cũng được xây dựng rộng khắp. Tư liệu văn bia cho biết, nhiều di tích kiến trúc được dựng vào thời gian nêu trên đã do các vị quan, nhất là các quan hoạn trong triều đình Lê - Trịnh cung tiến tiền của tạo dựng. Và, đương nhiên quy mô các ngôi kiến trúc đó đều khá lớn, lộng lẫy.

Đình xã Đằng Man, huyện Kim Động, Hưng Yên do vị Đô Thái giám Vãng An hầu, tự là Danh Hiến công đức xây dựng năm 1692; đình, miếu thôn Ngọc Tĩnh, xã Hoàng Đồi, huyện Yên Mỹ, Hưng Yên do vị Thiêm tổng tri Đô Nghiêm hầu họ Trần cúng tiền của, dựng năm 1646; đình Chiêu Lai, huyện Ân Thi gồm 3 gian 2 chái do vị Tổng Thái giám Đào Đình Hân cúng 100 quan tiền, 3 mẫu ruộng để dựng vào năm 1677. Đình thôn Lãng, xã Diên Lãng (Hưng Hà, Thái Bình) gồm 3 gian 2 chái do dân làng xây dựng, cùng sự đóng góp 130 quan tiền, 3 mẫu ruộng và 1 thửa ao của vợ chồng ông Lộ Hữu Đức và vợ Hà Thị Dậu năm Dương Hoà 3 (1637). Đình xã Thuận Quang (Thuận Thành, Bắc Ninh) do bà Cung tần phủ chúa là Nguyễn Thị Ngọc Thắng và các con, em gái, cháu gái, rể, bỏ 5 lạng vàng

để xây lại, cùng 5 mẫu ruộng hương hoả vào năm Dương Hoà 8 (1642). Đình xã Bình Sơn (Yên Dũng, Bắc Giang) do tướng công Lương Đặng Minh người trong xã bỏ tiền ra xây dựng và cúng 6 mẫu ruộng và 40 nén bạc để chi dùng vào việc chung. Đình Văn Lãng, xã Đại Bái (Gia Lương, Bắc Ninh) dựng năm Khánh Đức 2 (1650) do Gia Quận công Nguyễn Hiệp, chức Thừa chánh sứ Hải Dương, người trong xã đã cất 2 sào đất để xây dựng làm chỗ hội họp, lại cúng 10 mẫu ruộng làm nghĩa điền. Đình Văn Thịnh, xã Đoan Bái (Gia Bình, Bắc Ninh) do ông Nguyễn Công Hiệp người đất Đại Bái, tước phong Thái Bảo Hùng Lĩnh hầu và vợ là Thái Bảo Chánh phu nhân cúng 15 nén bạc, 5 mẫu ruộng để xây dựng. Đình xã Thánh Khê (Văn Lâm, Hưng Yên) dựng năm Thịnh Đức 5 (1657) (N0.6136-37) do Vũ Bá Độ làm quan ở Thái Thường đã xuất tiền mua gỗ để làm, lại cúng thêm 1 cái chiêng, 2 mẫu ruộng. Đình Long Khánh, xã Phúc Khê (Gia Lương, Bắc Ninh) dựng năm Vĩnh Thọ 2 (1659) (N0.4479) được bà Nguyễn Thị Dung và ông Nguyễn Phúc Đạo, chức Đặc tiến phụ quốc thượng tướng quân đã biếu 4 dật bạc, 40 quan tiền, 3 mẫu 2 sào ruộng để xây dựng, đình gồm 10 gian.

Một số văn bia khác cho biết cụ thể hơn quá trình xây dựng, mở mang đình làng, như văn bia đình thôn Đại, xã Cổ Trai (Kiến Thụy, Hải Phòng) khắc năm Cảnh Trị 1 (1663) (N0.10115-18) cho biết ông Trần Quang Trung, chức Quản suất là người đứng lược nhất vùng, đã đứng ra chiêu dân lập ấp, xây dựng nên ngôi đình làng. Ngôi đình này ban đầu gồm 10 gian, sau được con của ông là Mai Xuyên hầu, tự Huy Sướng, Giám sinh thời Lê nối chí cha hưng công xây dựng thêm cho nguy nga tráng lệ. Ngoài ra còn có rất nhiều văn bia khác ghi lại người công đức xây dựng đình được bầu làm Hậu Thần, Hậu Thành hoàng, phụ thờ ở đình. Chẳng hạn, văn bia đình Bái Thượng xã Ngọc Xuyên (Gia Bình, Bắc Ninh) khắc năm Cảnh Trị 1 (1663) (N0.4577) ghi việc bà Nguyễn Thị Ngọc Chỉ, người trong xã cúng 130 quan tiền và 1 mẫu ruộng để tu sửa đình. Dân nhớ ơn, thuận cho bà cùng chồng được gửi giỗ tại đình. Văn bia đình thôn Đặng Xá, xã Thanh Nga (Yên Mỹ, Hưng Yên) khắc năm Cảnh Trị 2 (1664) (N0.8658-61) ghi việc bà Lê Thị Tĩnh xuất 80 lạng bạc, 3000 quan tiền cổ để làm đình và cúng 1 mẫu 5 sào ruộng để làm ruộng cúng



Gác chuông chùa Bối Khê - Ảnh: Thế Hùng

giỗ. Bà được dân làng tôn bầu làm Hậu Thần. Đình Thôn Khê, xã Tư Mại (Yên Dũng, Bắc Giang) do Thập Lý hầu Lưu Quý công, tự Toàn Khê cúng 170 quan tiền xây dựng. Ông lại cúng 4 sào ruộng làm ruộng hương hoả, nên được tôn bầu làm Hậu Thần, bia dựng năm Cảnh Trị 7 (1669) (N0.10249-50). Đình xã Ngô Xuyên (Văn Lâm, Hưng Yên) bị hư hỏng, nay có vợ chồng ông Nguyễn Văn Sử, người xã Ngô Xuyên, huyện Gia Lâm, phủ Thuận An cúng 100 quan tiền, 1 mẫu ruộng để sửa tiền đường đình, ông bà được tôn bầu Hậu Thần, bia dựng năm Cảnh Trị 8 (1670) (N0.5546-47). Đình xã Ninh Giang (Đông Ngàn, Bắc Ninh) bị hư hỏng được ông Vịnh Quận công cúng 50 quan tiền và gỗ để sửa chữa lại. Dân làng suy tôn ông làm Hậu Thần, bia dựng năm Cảnh Trị 8 (1670) (N0.2436). Đình xã Lê Mật (Gia Lâm, Hà Nội) bị hư hỏng. Có vị Quận công Trương Thọ Kiên cúng 3 mẫu ruộng và 12 dật bạc để sửa chữa đình và mua hậu cho cha mẹ, bia dựng năm Cảnh Trị 8 (1670) (N0.3419-20). Đình thôn Hoàng Phúc, xã Cổ Pháp (Yên Dũng, Bắc Giang) do vị chánh đội trưởng Tào Nghiêm hầu Nguyễn Đức Hưng cùng vợ là Hà Thị Phúc hưng công tiền mua gỗ xây dựng. Đình gồm 3 gian 2 chái, thượng gia hạ

sàng. Ông bà lại cúng 3 mẫu ruộng chi dùng về sau, được dân tôn bầu làm Hậu thần, bia dựng năm Cảnh Trị 9 (1671) (N0.7074-75). Đình Phúc Long (Việt Yên, Bắc Giang) do Hán Quận công Thân Công Tài làm gồm 3 gian 2 chái. Ông lại cúng một số ruộng sản lượng 200 gánh lúa để xin bầu Hậu Thần cho anh ruột là Thân Phúc Hậu, bia dựng năm Chính Hoà 3 (1682) (N0.9962-67). Đình xã Tràng Kỳ (Cẩm Giàng, Hải Dương) là một nơi danh thắng đẹp, sinh ra nhiều anh hùng hào kiệt, nhờ đó dân sống cảnh thanh bình ấm no hạnh phúc. Trước cảnh dân Khang vật thịnh, các quan viên hương lão toàn xã đứng ra quyên góp tiền của để tu sửa lại đình và dựng bia kỷ niệm. Quy định mỗi suất phải góp 3 quan 5 mạch và 18 đấu gạo, người dưới 18 tuổi nạp 1 quan 7 mạch 13 văn tiền và 9 đấu gạo, bia dựng năm Chính Hoà 4 (1683) (N0.9436-37)...

Việc xây dựng đình làng đã thu hút nhiều đối tượng trong xã hội tham gia, từ các quan chức cao cấp, thái giám, cung tần, thê thiếp các vị quan lại, sắc mục hàng huyện, hàng xã, cho đến cả những người dân thường sống ở nơi làng xã. Chi phí xây dựng một ngôi đình khá lớn, có ngôi đình phải chi phí đến 1300 quan và 1 vạn đấu gạo, như đình thôn Đông, xã Hoá Hợp (Diên Hà,

Thái Bình) dựng năm Chính Hoà 2 (1681) (theo văn bia số 3042-43), thậm chí đến 3570 quan tiền đồng, như đình thôn Thượng, xã Thụy Trà (Nam Sách, Hải Dương) dựng năm Chính Hoà 15 (1694) (NO.12680-83). Kinh phí xây dựng các đình kể trên, hầu hết do các vị quan chức, nhất là các viên Thái giám trong phủ chúa đóng góp. Tuy nhiên, nhiều ngôi đình được xây dựng do chính dân làng đóng góp làm nên. Thực tế, tình hình kinh tế, xã hội thế kỷ XVII, nhất là sang nửa đầu thế kỷ XVIII khá phát triển với những trung tâm giao lưu buôn bán lớn, như Kinh Kỳ, Phố Hiến và hàng loạt làng nghề, làng buôn xuất hiện, kinh tế hàng hoá được thúc đẩy ở khắp các làng quê. Do đó, dân làng đủ mạnh để tập hợp công sức, tiền của xây dựng đình làng, như văn bia đình xã Thổ Hà (Việt Yên, Bắc Giang), dựng năm Chính Hoà 13 (1692) ghi rằng: "Năm ất Sửu (1685), làng hưng công xây dựng đình ngôi, các cột lớn, cột bé, các câu đầu, xà ngang, do các quan viên, tư nhân đóng góp. Còn người lớn, trẻ nhỏ trong làng từ 5 tuổi đến 100 tuổi, mỗi người phải đóng 4 quan tiền cổ. Năm sau xây đền miếu, mỗi người đóng 5 mạch, năm tiếp theo xây tam quan, long môn, mỗi người đóng thêm 4 mạch...". Điều này cho thấy, khi ấy kinh tế của xã Thổ Hà khá phát triển, bởi nghề làm gốm, chính vì thế mà tất cả mọi người dân trong làng đều có điều kiện để đóng góp xây dựng nên các kiến trúc công cộng..

Tiếp đến thời Nguyễn, các di tích trong dân gian được tu bổ, xây dựng ở hầu khắp địa phương trong cả nước với sự tham gia của đông đảo tầng lớp trong xã hội, trong đó có không ít cá nhân, dòng tộc lớn. Tổng đốc Hoàng Trọng

Đình Khắc Thuân - Về chủ nhân hưng công DT TN trong LS

Phu từng đứng ra xây dựng, tu bổ nhiều ngôi chùa lớn, trong đó có chùa Hương. Thương nhân Hưng Ký từng đứng ra xây một ngôi chùa mới, sau được gọi là chùa Hưng Ký mà hiện vẫn là một ngôi chùa đẹp ở Hà Nội.

Tất cả những người công đức trong việc xây dựng, tu bổ di tích đều được ghi ơn, phần lớn họ được tôn bâu làm Hậu và được phụng thờ ở các di tích đó. Nhưng chưa bao giờ họ tự nhận mình là chủ nhân của các di tích đó và trên thực tế, chưa bao giờ di tích thuộc sở hữu của cá nhân nào, dòng tộc nào, mà trái lại các kiến trúc này thuộc về cộng đồng. Hiện nay, cũng có không ít di tích được các nhà hảo tâm đứng ra xây dựng, tu bổ. Tuy nhiên, trong một vài trường hợp nào đó, người ta lại biến di tích đó thành mục đích khác nhằm thu lợi cá nhân. Họ đầu tư xây dựng để rồi xem đó là sở hữu riêng của mình và để tự "hành nghề" tín ngưỡng. Làm như vậy là trái với lẽ truyền thống mà ông cha ta từng nêu gương sáng ngàn đời.

D.K.T

Tài liệu tham khảo chính

- 1) Văn khắc Hán Nôm Việt Nam, tập 1 thời Lý (Claudine Salmon & Phan Văn Các chủ biên), Viện Nghiên cứu Hán Nôm, EFEO, 1998, tập 2 a-b thời Trần (Phan Văn Các & Mao Han Kuang, Cheng A Tsai chủ biên), Viện Nghiên cứu Hán Nôm và Đại học Trung Chính Đài Bắc, 2002.
- 2) Hà Văn Tấn, Chùa Việt Nam, Khoa học xã hội, Hà Nội, 1993
- 3) Đình Khắc Thuân, Văn bia thời Mạc, KHXH, Hà Nội 1986.
- 4) Thác bản văn bia tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm.



Lễ đón bằng xếp hạng DTLC VH Quốc gia, đình Duyên Yên, Hưng Yên - Ảnh: Thế Hùng